

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2018/DS-ST**

Ngày: 28-6-2018

Về “*Tranh chấp tiền hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mai** – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 184/2017/TLST–DS ngày 20/12/2017 về “*Tranh chấp tiền hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXX-DS ngày 07/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn:

- Bà Đào Thị Kim L, sinh năm 1957 (Có đơn xin vắng mặt)

- Ông Đào Minh T, sinh năm 1955 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị Tuyết N, sinh năm 1975 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

- Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, Ấp 1, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

- Bà Phạm Mỹ H, sinh năm 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, Ấp 1, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
- Bà Trần Thị N, sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 2, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI D VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Vào tháng 9 năm 2015, bà Nguyễn Thị D có chơi 01 chân hụi tháng, mỗi tháng đóng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), do bà Đào Thị Kim L và ông Đào Minh T làm chủ hụi, đây hụi gồm có 12 người chơi, bà D chỉ biết những người chơi chung đây hụi với bà gồm bà Phan Thị Tuyết N, sinh năm 1975, bà Đoàn Thị D, sinh năm 1964, bà Phạm Mỹ H, sinh năm 1961, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970 và bà Trần Thị N, sinh năm 1978 và một số người nữa nhưng bà D không biết tên. Theo quy định 1 tháng bỏ hụi 1 lần và 1 người được hốt hụi 1 lần.

Đến tháng 8 năm 2016 thì bà D hốt hụi, bà L đã trả tiền hụi cho bà D và còn thiếu nợ bà D số tiền hụi là 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng), bà D đã đòi nhiều lần nhưng bà L cứ hẹn mà không trả tiền.

Nay bà D yêu cầu bà Đào Thị Kim L và ông Đào Minh T phải trả cho bà D số tiền hụi còn nợ là 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đào Thị Kim L trình bày:* Bà có mở hụi vào năm 2015, tuy nhiên đến hết năm 2015 thì do bà bị đau lưng nên bà đã dừng việc chơi hụi lại, khi dừng việc chơi hụi thì bà đã thanh toán đầy đủ tiền cho những người chơi hụi trong đó có bà D, do thời gian đã lâu nên những giấy tờ ghi chép việc chơi hụi, số tiền chơi hụi và có bao nhiêu người chơi hụi và gồm những ai thì bà L không còn nhớ. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà L và ông Toàn trả số tiền hụi còn nợ là: 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng) thì bà không đồng ý trả vì bà đã thanh toán xong số tiền hụi cho bà D đồng thời đã lấy lại giấy nợ từ bà D và xé bỏ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đào Minh T trình bày:* Ông không chơi hụi cùng với bà D, việc vợ ông là bà Đào Thị Kim L có chơi hụi với bà D hay không thì ông không biết. Nếu bà L có nợ tiền bà D và bà D có giấy ghi nợ thì ông Toàn đồng ý trả cho bà D số tiền 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng), còn nếu bà D không có giấy ghi nợ thì ông không đồng ý cùng bà L trả nợ cho bà D.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là bà Phan Thị Tuyết N trình bày:* Bà có chơi hụi với bà L vào năm 2015, bà D chơi chung đây hụi với bà D1, còn những người còn lại chơi đây hụi khác nhưng chơi cùng thời gian với bà D, việc chơi hụi không có lập giấy tờ gì, chỉ bằng lời nói.

Việc bà L còn nợ tiền hội bà D bao nhiêu tiền thì bà không biết. Bà không có yêu cầu gì khi Tòa án giải quyết vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Trần Thị N trình bày:* Bà có chơi hội với bà L vào năm 2015, trong đó có cả bà D. Bà chỉ biết bà L và ông Toàn chỉ trả được cho bà D một phần tiền hội, còn việc ông Toàn và bà L nợ tiền hội bà D chính xác là bao nhiêu thì bà không biết. Hiện Tòa án đã thụ L yêu cầu của bà trong vụ án khác nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Đoàn Thị D trình bày:* Bà có chơi hội với bà L vào năm 2015, bà D chơi chung dây hội với bà, còn những người còn lại chơi dây hội khác nhưng chơi cùng thời gian với bà D, việc chơi hội không có lập giấy tờ gì, chỉ bằng lời nói. Sau khi hốt hội, bà có nghe nói bà L nợ tiền bà D số tiền hội là 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Nay bà yêu cầu bà L và ông Toàn trả cho bà số tiền hội còn nợ bà là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà có chơi hội với bà L vào năm 2015, bà D chơi chung dây hội với bà, còn những người còn lại chơi dây hội khác nhưng chơi cùng thời gian với bà D, việc chơi hội không có lập giấy tờ gì, chỉ bằng lời nói. Sau khi hốt hội, bà có nghe nói bà L nợ tiền bà D số tiền hội là 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Nay bà yêu cầu bà L và ông Toàn trả cho bà số tiền hội còn nợ bà là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Phạm Mỹ H trình bày:* Bà có chơi hội với bà L vào năm 2015, bà D chơi chung dây hội với bà D, còn những người còn lại chơi dây hội khác nhưng chơi cùng thời gian với bà D, việc chơi hội không có lập giấy tờ gì, chỉ bằng lời nói. Sau khi hốt hội, bà có nghe nói bà L nợ tiền bà D số tiền hội là 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Nay bà yêu cầu bà L và ông Toàn trả cho bà số tiền hội còn nợ bà là 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng).

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án và việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội D giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 122, 124, 374, 375 và 479 Bộ luật dân sự 2005; Áp dụng các Điều 19, 20, 21, 22 và 23 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ hội, biểu, phường.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Đào Thị Kim L và ông Đào Minh T trả cho bà D số tiền hui là 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị D khởi kiện bà Đào Thị Kim L và ông Đào Minh T về việc bà L và ông Toàn còn nợ tiền hui, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm bà D khởi kiện thì ông Toàn và bà L đang cư trú tại ấp 2, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về quyền khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D cho rằng sau khi hót hui, bà L chỉ trả được một phần tiền hui cho bà và còn thiếu nợ bà số tiền hui là 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng), bà D đã đòi nhiều lần nhưng bà L không trả. Nay bà D nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ các Điều 4, 5 và 186 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà D có quyền khởi kiện.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bà Đào Thị Kim L, ông Đào Minh T, bà Trần Thị N và bà Phan Thị Tuyết N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D:

[4.1] Bà L thừa nhận có tổ chức chơi hui, bà D có tham gia chơi, chơi vào thời gian nào thì bà không nhớ, bà chỉ nhớ là hết năm 2015 bà bị đau lưng nên không chơi nữa, bà cũng không nhớ bà D chơi cùng chân hui với ai, số tiền chơi hui là bao nhiêu, thời gian cụ thể bà D hót hui. Bà xác định sau khi ngừng việc chơi hui thì bà đã thanh toán đầy đủ tiền hui cho những người chơi hui mà bà còn thiếu, trong đó có cả bà D, giấy tờ và tài liệu thể hiện việc chơi hui với bà D thì sau khi bà thanh toán xong tiền hui cho bà D đã xé bỏ. Vì vậy, bà không đồng ý trả cho bà D số tiền 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Ông Đào Minh T xác định ông không chơi hui cùng với bà D, việc vợ ông là bà Đào Thị Kim L có chơi hui với bà D hay không thì ông không biết, nếu bà D không có giấy ghi nợ thì ông không đồng ý cùng bà L trả nợ cho bà D.

[4.2] Bà Phan Thị Tuyết N, bà Đoàn Thị D, bà Phạm Mỹ H, bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị N đều khẳng định việc ký vào đơn xác nhận đề ngày 25/11/2017 cho bà Nguyễn Thị D mục đích là để xác nhận bà D có chơi hụi với bà L vào năm 2015. Bà Phan Thị Tuyết N và bà Trần Thị N không biết bà L nợ tiền hụi của bà D là bao nhiêu. Tại phiên tòa, bà Đoàn Thị D, bà Phạm Mỹ H, bà Nguyễn Thị L xác định chỉ nghe nói bà L nợ tiền hụi bà D với số tiền 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng) chứ không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh bà L nợ bà D số tiền hụi là 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

[4.3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà D không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bà L và ông Toàn còn nợ bà D số tiền hụi là 58.400.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xác định: Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị Kim L và ông Đào Minh T trả cho bà D số tiền 58.400.000 đồng là không có cơ sở, do đó yêu cầu của bà D không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của bà Đoàn Thị D, bà Phạm Mỹ H, bà Nguyễn Thị L, cụ thể: Bà Đoàn Thị D yêu cầu bà L trả cho bà D số tiền hụi còn nợ là: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng); Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà L trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là: 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng); Bà Phạm Mỹ H yêu cầu bà L trả cho bà Hòa số tiền hụi còn nợ là: 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng). Các yêu cầu này, bà D, bà L và bà Hòa đã nộp đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh đã thụ L vụ án số: 187/TB-TLVA ngày 25/12/2017; 183/TB-TLVA ngày 19/12/2017 và số: 179/TB-TLVA ngày 18/12/2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Quá trình giải quyết vụ án Phan Thị Tuyết N và bà Trần Thị N không yêu cầu hay có ý kiến gì về việc bà Nguyễn Thị D khởi kiện bà Đào Thị Kim L và ông Đào Minh T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D không được chấp nhận nên bà D phải chịu tiền án phí.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng các Điều 122, 124, 479 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng các Điều 19, 20, 21, 22 và 23 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ tịch, biên, phường.

- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Đào Thị Kim L và ông Đào Minh T trả cho bà D số tiền hụi là 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí là 2.920.000 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.460.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005601 quyển số 0113 ngày 20/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, số tiền án phí còn lại bà Nguyễn Thị D phải chịu là: 1.460.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng)

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Minh

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**